|  |  |
| --- | --- |
| UNND TỈNH HÀ TĨNH **TRƯỜNG CAO ĐẲNG Y TẾ** | CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAMĐộc lập - Tự do - Hạnh phúc |

**CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO***(Ban hành kèm theo quyết định số 167 /QĐ-CĐYT ngày 26 tháng 6 năm 2017*

*của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Y tế Hà Tĩnh)*

**Tên ngành, nghề:** Y sĩ

**Mã ngành, nghề:** 5720302

**Trình độ đào tạo:** Trung cấp

**Hình thức đào tạo:**  Chính quy (niên chế)

**Đối tượng tuyển sinh:** Học sinh tốt nghiệp THPT

**Thời gian đào tạo:** 02 năm

**1. Mục tiêu đào tạo**

1.1. Mục tiêu chung:

Đào tạo bổ sung chương trình Y sĩ đa khoa để người học có thêm kiến thức và kỹ năng chuyên môn y học ở trình độ trung cấp của một người Y sĩ; làm nhiệm vụ bảo vệ chăm sóc sức khỏe nhân dân tại tuyến y tế cơ sở , có đạo đức, lương tâm nghề nghiệp, ý thức tổ chức kỷ luật, có tinh thần trách nhiệm trước sức khỏe và tính mạng người bệnh ; có đủ sức khỏe và không ngừng học tập nâng cao trình độ.

1.2. Mục tiêu cụ thể:

1.2.1. Kiến thức

1.2.1.1. Kiến thức chung:

*- Nhận thức chính trị:* Có hiểu biết về các nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin, đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam, tư tưởng Hồ Chí Minh, pháp luật của nhà nước; có kiến thức cơ bản trong lĩnh vực khoa học xã hội và nhân văn phù hợp với chuyên ngành được đào tạo; có sức khỏe tốt, đáp ứng được yêu cầu xây dựng và bảo vệ Tổ quốc;

- Kỹ năng tin học: Biết sử dụng các chương trình tin học văn phòng, bảng tính Exel, Power Point và biết cách sử dụng phần mềm thống kê y học;

- Kỹ năng ngoại ngữ: Biết sử dụng một ngoại ngữ để có thể giao tiếp ở trình độ thông thường.

1.2.1.2. Kiến thức cơ sở ngành và chuyên ngành

            - Có kiến thức về giải phẫu, sinh lý cơ thể con người và những thay đổi của chúng trong các thời kỳ khác nhau của cuộc đời, đặc biệt là những thay đổi về thể chất, sinh lý và tinh thần của con người khi bị bệnh;

-Có kiến thức về khoa học xã hội về tâm lý, tâm lý y học, kỹ năng giao tiếp để chăm sóc sức khỏe người bệnh/cộng đồng phù hợp với văn hoá, tôn giáo, tín ngưỡng và tâm sinh lý của từng đối tượng;

- Có kiến thức về cơ sở ngành và các môn học cơ sở khác làm tiền đề cho việc tiếp thu các môn học chuyên ngành;

- Luật pháp, chính sách của Nhà nước về công tác chăm sóc, bảo vệ và nâng cao sức khỏe nhân dân;

- Có kiến thức các môn chuyên ngành để đánh giá tình trạng sức khỏe/ bệnh tật của người bệnh và cộng đồng, lập kế hoạch và đưa ra biện pháp xử trí/chăm sóc thích hợp;

- Nắm vững những nguyên tắc cơ bản về chẩn đoán, điều trị và phòng một số bệnh thông thường;

- Có kiến thức cơ sở lý luận về khoa học xã hội để chăm sóc người bệnh một cách nhân văn, phù hợp về văn hoá, xã hội và tâm sinh lý;

- Có hiểu biết về luật khám chữa bệnh để hành nghề theo quy định của pháp luật và phù hợp với chức trách, nhiệm vụ, năng lực chuyên môn trong phạm vi quy định của nghề nghiệp;

1.2.2. Kỹ năng

- Thực hiện được việc thăm, khám và chữa một số bệnh, chứng bệnh thông thường.

- Phát hiện sớm và xử trí ban đầu các trường hợp cấp cứu tại tuyến y tế cơ sở.

- Làm được một số thủ thuật theo quy định của Bộ Y tế, chăm sóc bệnh nhân tại nhà và phục hồi chức năng tại cộng đồng.

- Chuyển tuyến trên kịp thời các bệnh không nằm trong quy định và quá khả năng giải quyết ở tuyến y tế cơ sở;

- Tổ chức quản lý và thực hiện các chương trình y tế quốc gia, phát hiện dịch bệnh sớm, lập kế hoạch, triển khai thực hiện phòng bệnh và chống dịch;

**\* Các kỹ năng khác**

- Có kỹ năng giao tiếp hiệu quả, hợp tác với các nhân viên y tế khác, với người bệnh và gia đình của họ trong quá trình chăm sóc sức khỏe nhân dân;

- Có kỹ năng đánh giá nhu cầu, lập kế hoạch, thực hiện và đánh giá kết quả chăm sóc sức nhân dân, thông qua việc sử dụng các kỹ năng giải quyết vấn đề, tiếp cận hệ thống và tư duy tích cực khi thực hành nghề nghiệp, để đảm bảo chăm sóc sức khoẻ nhân dân một cách hiệu quả nhất;

- Áp dụng các kiến thức và kỹ năng thực hành nghề nghiệp trong nhiều hoàn cảnh khác nhau, sử dụng các nguồn lực sẵn có để đảm bảo sự chăm sóc sức khỏe nhân dân an toàn, hiệu quả, có nhân văn, phù hợp với những quy định về năng lực và chức năng, nhiệm vụ của người Y sĩ theo quy định của Bộ Y tế.

- Có kỹ năng quản lý, điều hành về nhân lực và chuyên môn hiệu quả.

1.2.3. T**hái độ:**

- Thực hành nghề nghiệp theo luật pháp, tận tụy với sự nghiệp bảo vệ, chăm sóc sức khoẻ nhân dân.

- Tôn trọng và chân thành hợp tác với đồng nghiệp, giữ gìn và phát huy truyền thống tốt đẹp của ngành.

- Trung thực, khách quan, luôn cố gắng học tập vươn lên để nâng cao trình độ chuyên môn.

**1.3. Vị trí làm việc của người học sau khi tốt nghiệp**

Có khả năng làm việc tại các cơ sở khám chữa bệnh công lập và ngoài công lập ở tất cả các tuyến từ Trung ương đến cơ sở, cộng đồng trong toàn quốc và các cơ sở đào tạo nhân lực y tế.

**2. Khối lượng kiến thức và thời gian khóa học** (không kể GDQP -GDTC)**:**

- Số lượng môn học: 30

- Khối lượng kiến thức toàn khóa học:  94 Tín chỉ

- Khối lượng các môn học chung/đại cương: 225 giờ

- Khối lượng các môn học chuyên môn:  2.355 giờ

- Khối lượng lý thuyết:  855 giờ; Thực hành, thực tập, thí nghiệm: 1.725 giờ

**3. Nội dung chương trình:**

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Mã Môn học** | **Tên môn học** | **Số tín chỉ** | **Thời gian học tập** | | | |
| **Tổng số** | **Lý thuyết** | **Thực hành/ thực tập/ thí nghiệm/ bài tập/ thảo luận** | **Thi/ Kiểm tra** |
| **I** | **Các môn học chung** | **13** | **225** | **195** | **30** |  |
| ĐC 1 | Chính trị | 5 | 75 | 75 | 0 |  |
| ĐC 2 | Ngoại ngữ | 4 | 75 | 75 | 0 |  |
| ĐC 3 | Tin học | 2 | 45 | 15 | 30 |  |
| ĐC 4 | Pháp luật | 2 | 30 | 30 | 0 |  |
| ĐC 5 | Giáo dục thể chất | 2 | 60 | 15 | 45 |  |
| ĐC 6 | Giáo dục quốc phòng - an ninh | 3 | 75 | 30 | 45 |  |
| **II** | **Các môn học chuyên môn** | | | | | |
| **II.1** | **Môn học cơ sở** | **23** | **465** | **240** | **225** |  |
| CSN 1 | Giải phẫu sinh lý | 4 | 75 | 45 | 30 |  |
| CSN 2 | Vi sinh - Ký sinh trùng | 2 | 45 | 15 | 30 |  |
| CSN 3 | Dược lý | 3 | 60 | 30 | 30 |  |
| CSN 4 | Dinh dưỡng - Vệ sinh an toàn thực phẩm | 2 | 30 | 30 | 0 |  |
| CSN 5 | Vệ sinh phòng bệnh | 2 | 30 | 30 | 0 |  |
| CSN 6 | Kỹ năng giao tiếp - giáo dục sức khỏe | 2 | 30 | 30 | 0 |  |
| CSN 7 | Quản lý và tổ chức y tế | 2 | 30 | 30 | 0 |  |
| CSN 8 | Điều dưỡng cơ bản | 4 | 90 | 30 | 60 |  |
| CSN 9 | Thực hành tiền lâm sàng - Điều dưỡng | 2 | 75 | 0 | 75 |  |
| **II.2** | **Môn học chuyên môn** | **30** | **450** | **420** | **30** |  |
| CN 1 | Bệnh Nội khoa | 4 | 60 | 60 | 0 |  |
| CN 2 | Bệnh Ngoại khoa | 4 | 60 | 60 | 0 |  |
| CN 3 | Sức khoẻ trẻ em | 4 | 60 | 60 | 0 |  |
| CN 4 | Sức khoẻ sinh sản | 4 | 60 | 60 | 0 |  |
| CN 5 | Bệnh truyền nhiễm, xã hội | 5 | 60 | 60 | 0 |  |
| CN 6 | Bệnh chuyên khoa | 4 | 60 | 60 | 0 |  |
| CN 7 | Y tế cộng đồng | 2 | 30 | 30 | 0 |  |
| CN 8 | Y học cổ truyền | 3 | 60 | 30 | 30 |  |
| **II.3** | **Thực tập cơ bản (thực tập lâm sàng và cộng đồng)** | **24** | **1080** | **0** | **1080** |  |
| TT 1 | Thực tập lâm sàng Điều dưỡng cơ bản | 4 | 180 | 0 | 180 |  |
| TT 2 | Thực tập lâm sàng Nội khoa | 4 | 180 | 0 | 180 |  |
| TT 3 | Thực tập lâm sàng Ngoại khoa | 4 | 180 | 0 | 180 |  |
| TT 4 | Thực tập lâm sàng Sản phụ khoa | 2 | 90 | 0 | 90 |  |
| TT 5 | Thực tập lâm sàng Nhi khoa | 4 | 180 | 0 | 180 |  |
| TT 6 | Thực tập lâm sàng Truyền nhiễm | 2 | 90 | 0 | 90 |  |
| TT 7 | Thực tập lâm sàng Y học cổ truyền | 2 | 90 | 0 | 90 |  |
| TT 8 | Thực tập cộng đồng | 2 | 90 | 0 | 90 |  |
| **II.4** | **Thực tập tốt nghiệp** | **8** | **360** | **0** | **360** |  |

**4. Hướng dẫn sử dụng chương trình**

Chương trình khung được xây dựng theo hướng đổi mới giáo dục, tinh giản số giờ lý thuyết, dành nhiều thời gian cho sinh viên tự nghiên cứu, đọc tài liệu, thảo luận, làm các bài tập và thực hành tại cơ sở. Khối lượng kiến thức của chương trình đã được xác định phù hợp với khuôn khổ mà Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội đã quy định cho một chương trình giáo dục trình độ trung cấp 2 năm.

Trên cơ sở chương trình khung đã được ban hành, Nhà trường tổ chức xây dựng chương trình đào tạo, Hiệu trưởng phê duyệt chương trình đào tạo của Trường.

Trường tổ chức giảng dạy đảm bảo đủ khối lượng kiến thức tối thiểu đã quy định trong chương trình khung và đáp ứng đúng mục tiêu đào tạo với chất lượng và hiệu quả cao.

Trong quá trình tổ chức thực hiện, Trường chủ động bố trí và điều chỉnh kế hoạch giảng dạy các môn học/học phần giữa các học kỳ trong toàn khóa học nhưng đảm bảo tính lôgic và hệ thống khối kiến thức trong chương trình, tuân thủ các điều kiện tiên quyết của từng môn học/học phần và các quy định hiện hành có liên quan.

Trường lựa chọn các phương pháp tổ chức giảng dạy phù hợp, đúc kết kinh nghiệm giảng dạy chuyên ngành từ những năm trước có sự thận trọng nghiên cứu, chuẩn bị kỹ trước khi tổ chức thực hiện.

***4.1. Các môn học chung*** bắt buộc do Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội phối hợp với các Bộ/ngành tổ chức xây dựng và ban hành để áp dụng thực hiện.(Theo tinh thần phiên họp ngày 4/4/2017 của Tổng cục dạy nghề: hiện nay chưa có hướng dẫn nên vẫn thực hiện theo Quy định cũ của Bộ GD & ĐT)

#### 4.2. Thời gian cho các hoạt động ngoại khóa

Tổ chức thực tế tại cộng đồng sau khi sinh viên đã học các môn cơ sở, tiền lâm sàng, Y tế cộng đồng, Giáo dục sức khỏe và hầu hết các môn học lâm sàng. Sinh viên sẽ được thực tập tại một số nhà máy, xí nghiệp, trạm y tế xã, phường và cụm dân cư tại địa bàn của trường**.**

***4.3. Hướng dẫn tổ chức thi hết môn học, thi tốt nghiệp***

4.3.1. Thi hết môn học:

Thời gian tổ chức thi hết môn họcTừ tuần 20-22 của mỗi học kì, có hướng dẫn cụ thể theo từng môn họctrong chương trình chi tiết môn học.

4.3.2. Thi tốt nghiệp

4.3.2.1. Điều kiện thi tốt nghiệp

Người học có đủ điều kiện sau thì sẽ được dự thi tốt nghiệp:

- Phải học hết chương trình đào tạo, có điểm tất cả các môn học từ 5,0 trở lên

- Không trong thời gian: bị kỷ luật từ mức đình chỉ học tập có thời hạn trở lên, bị truy cứu trách nhiệm hình sự;

4.3.2.2. Nội dung thi tốt nghiệp

Bao gồm: môn Chính trị; Lý thuyết tổng hợp nghề nghiệp; Thực hành nghề nghiệp.

\* Lý thuyết tổng hợp:

- Nội dung thi tổng hợp các môn:

+ Bệnh học Nội khoa, Ngoaị khoa

+ Sức khỏe sinh sản, sức khỏe trẻ em

+ Bệnh truyền nhiễm và xã hội

- Hình thức thi : Thi viết hoặc thi trắc nghiệm

\* Thực hành:

Làm bệnh án trên bệnh nhân cụ thể tại các khoa (Nội, Ngoại, Phụ sản, Nhi, Truyền nhiễm) của bệnh viện hoặc làm bệnh án trên mô hình được cài đặt tình huống lâm sàng tại Labo.

\* Chính trị:

- Nội dung thi: Những kiến thức thuộc học phần Chính trị trong chương trình Trung cấp chuyên nghiệp do Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội ban hành.

- Hình thức thi: Thi viết hoặc thi trắc nghiệm

Việc kiểm tra, thi kết thúc môn học thực hiện theo quy định của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội và đặc thù đào tạo nhân lực y tế trong phạm vi cho phép phù hợp hoàn cảnh, điều kiện của cơ sở đào tạo. Việc giám sát chất lượng chuyên môn do Bộ Y tế chỉ đạo thực hiện.

***4.4. Hướng dẫn xét công nhận tốt nghiệp:***

- Những học sinh có đủ điều kiện sau đây được xét tốt nghiệp và công nhận tốt nghiệp:

**+** Điểm của mỗi môn thi tốt nghiệp phải đạt từ 5,0 trở lên hoặc điểm chuyên đề, khóa luận tốt nghiệp có điểm đạt từ 5,0 trở lên theo thang điểm 10;

+ Không trong thời gian: bị kỷ luật từ mức đình chỉ học tập có thời hạn trở lên, bị truy cứu trách nhiệm hình sự;

- Hiệu trưởng Nhà trường căn cứ vào kết quả thi tốt nghiệp của người học và các quy định liên quan để xét công nhận tốt nghiệp, cấp bằng tốt nghiệp.

***4.5. Kế hoạch giảng dạy và quỹ thời gian***

Chương trình đào tạo được thực hiện trong 2 năm với 4 học kỳ chính.

Kỳ 1 gồm 21 tuần, 24 tín chỉ (240 giờ lý thuyết, 225 giờ tiết thực hành), học sinh sẽ học phần lớn các học phần thuộc khối kiến thức giáo dục đại cương và bắt đầu tiếp cận với các học phần thuộc khối kiến thức cơ sở khối ngành.

Kỳ 2 gồm 21 tuần, 21 tín chỉ (240 giờ lý thuyết, 180 giờ thực hành), học sinh sẽ học các học phần thuộc khối kiến thức cơ sở khối ngành còn lại và phần lớn các học phần thuộc khối kiến thức cơ sở ngành.

Kỳ 3 gồm 22 tuần, 26 tín chỉ (255 giờ lý thuyết, 480 giờ thực hành), học sinh sẽ học các học phần thuộc khối kiến thức cơ sở ngành còn lại và các học phần thuộc khối kiến thức ngành và chuyên ngành.

Kỳ 4 gồm 31 tuần, 24 đơn vị học trình (120 giờ lý thuyết, 830 giờ thực hành), học sinh sẽ học các học phần thuộc khối kiến thức tự chọn còn lại, thực tế ngành, ôn và thi tốt nghiệp

Nhà trường bố trí và điều chỉnh các môn học/học phần của các học kỳ sao cho đảm bảo được tính lôgic và tính hệ thống của chương trình đào tạo theo trình tự để sinh viên học các môn khoa học cơ bản, cơ sở, tiền lâm sàng rồi mới học các môn chuyên ngành.

**HIỆU TRƯỞNG**

(Đã kí)

**TS. Trần Xuân Hoan**